

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-34

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - Vnsteel (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - VNSTEEL (Tên cũ: Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Kim Khí Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 13/05/2016 với mã số doanh nghiệp là 0100100368.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Chủ tịch
Ông Phạm Công Dũng	Ủy viên
Ông Lê Thanh Hải	Ủy viên
Ông Vũ Khắc Hoàng	Ủy viên
Ông Đặng Trọng Khuynh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Công Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Triệu Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Quang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Dương Thị Phương Hiền	Trưởng ban
Bà Lê Như Quỳnh	Thành viên
Bà Hà Thị Thu Hiền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Công Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2019

11
CÓN
+NHÍ
G KI
A
VNKI

01003
ÔNG
CỔ PH
KHÍ H
VNST
Đ.Đ.Đ.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - Vnsteel**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - Vnsteel được lập ngày 20 tháng 02 năm 2019, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - Vnsteel tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

SC
TY
DUH
TO
SC
TP

M.S.D.N
Y
N
NỘ
EL
T.P.H.P

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới thuyết minh số 33 - Số liệu so sánh; căn cứ theo kiến nghị tại Thông báo số 186/TB-KTNN ngày 14/01/2019 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội, trong đó Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi Công ty Cổ phần Vật tư Quang Minh số tiền 2.181.819.780 đồng và cá nhân ông Nguyễn Mạnh Cường số tiền 1.510.030.000 đồng, khiến khoản mục dự phòng phải thu khó đòi tại thời điểm đầu và cuối năm 2018 chưa phản ánh giá trị dự phòng đối với các khoản công nợ này do thiếu các hồ sơ thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi cơ sở ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2019

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	đã điều chỉnh VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		295.119.244.456	162.752.379.046
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.346.325.430	1.535.972.215
111	1. Tiền		5.346.325.430	1.535.972.215
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		161.168.483.953	86.130.980.555
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	177.756.927.784	118.037.892.663
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	19.025.863.497	3.281.783.990
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.241.717.461	2.647.695.666
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(37.856.024.789)	(37.836.391.764)
140	IV. Hàng tồn kho	8	123.692.173.611	72.143.771.752
141	1. Hàng tồn kho		127.743.384.054	74.836.903.752
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.051.210.443)	(2.693.132.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.912.261.462	2.941.654.524
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	157.888.038	660.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.634.584.174	2.872.018.518
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	119.789.250	68.976.006
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.978.459.195	17.074.108.652
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.000.000	40.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	10.000.000	40.000.000
220	II. Tài sản cố định		12.005.664.582	15.204.399.556
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	11.544.143.582	14.727.128.556
222	- Nguyên giá		60.969.832.176	61.000.189.869
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(49.425.688.594)	(46.273.061.313)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	461.521.000	477.271.000
228	- Nguyên giá		2.454.012.340	2.454.012.340
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.992.491.340)	(1.976.741.340)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	120.769.026
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	120.769.026
260	VI. Tài sản dài hạn khác		962.794.613	1.708.940.070
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	962.794.613	1.708.940.070
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		308.097.703.651	179.826.487.698

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	đã điều chỉnh VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		208.479.666.057	83.083.611.314
310	I. Nợ ngắn hạn		208.479.666.057	83.083.611.314
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	28.011.389.902	7.184.731.310
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		795.018.503	2.280.805.307
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.009.492.871	1.368.266.043
314	4. Phải trả người lao động		4.055.191.646	6.668.096.799
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	385.000.000	677.330.711
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		10.909.089	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	4.118.792.160	2.416.404.408
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	169.172.723.369	62.518.828.219
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		(78.851.483)	(30.851.483)
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		99.618.037.594	96.742.876.384
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	99.618.037.594	96.742.876.384
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		90.000.000.000	90.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		90.000.000.000	90.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.599.851.779	3.599.851.779
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.018.185.815	3.143.024.605
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.143.024.605	(13.382.137.272)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		2.875.161.210	16.525.161.877
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		308.097.703.651	179.826.487.698

Kiều Thị Thu Hương
Người lập

Đặng Thị Yên
Trưởng phòng Tài chính kế toán

Phạm Công Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL


Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	đã điều chỉnh VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	2.232.576.145.336	1.978.304.413.913
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	294.277.988	5.275.340.138
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.232.281.867.348	1.973.029.073.775
11	4. Giá vốn hàng bán	21	2.195.853.851.238	1.922.532.034.827
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		36.428.016.110	50.497.038.948
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.512.465.471	7.553.433.271
22	7. Chi phí tài chính	23	5.134.528.087	1.234.118.789
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.133.508.988	6.255.640.233
25	8. Chi phí bán hàng	24	12.863.158.922	21.603.651.059
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21.074.558.373	19.516.915.510
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.868.236.199	15.695.786.861
31	11. Thu nhập khác	26	184.591.513	857.976.393
32	12. Chi phí khác	27	177.666.502	811.043
40	13. Lợi nhuận khác		6.925.011	857.165.350
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.875.161.210	16.552.952.211
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	-	27.790.334
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.875.161.210	16.525.161.877
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	319	1.836


Kiều Thị Thu Hương
Người lập


Đặng Thị Yên
Trưởng phòng Tài chính kế toán


Phạm Công Dũng
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	đã điều chỉnh VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.875.161.210	16.552.952.211
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.198.734.974	4.220.505.233
03	- Các khoản dự phòng		1.377.711.468	(12.008.788.847)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(50.790.628)	(188.998.430)
06	- Chi phí lãi vay		5.133.508.988	6.255.640.233
07	- Các khoản điều chỉnh khác		120.769.026	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		12.655.095.038	14.831.310.400
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(76.840.515.323)	91.896.388.812
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(52.906.480.302)	(1.396.343.739)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		18.658.490.304	(50.590.539.317)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		588.917.419	(486.063.463)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.998.839.699)	(6.246.145.011)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(27.790.334)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(48.000.000)	(100.402.597)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(102.891.332.563)	47.880.414.751
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(358.849.091)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		24.090.909	4.443.209.091
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	11.143.155.103
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		26.699.719	268.584.077
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		50.790.628	15.496.099.180
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		926.318.603.481	747.744.890.699
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(819.664.708.331)	(810.372.450.658)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		106.650.895.150	(62.627.559.959)

TÀI CHÍNH

PHỤ LỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	đã điều chỉnh VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.810.353.215	748.953.972
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.535.972.215	787.018.243
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>5.346.325.430</u>	<u>1.535.972.215</u>

Kiều Thị Thu Hương
Người lập

Đặng Thị Yến
Trưởng phòng Tài chính kế toán



Phạm Công Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2019

T.C.P
I.C.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - VNSTEEL (Tên cũ: Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Kim Khí Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 13/05/2016 với mã số doanh nghiệp là 0100100368.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 90.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 90.000.000.000 đồng; tương đương 9.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại các sản phẩm ngành thép và một số vật liệu xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Khai thác và thu gom than cứng; khai thác và thu gom than non; sản xuất than cốc;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tiếp tục đà tăng trưởng của thị trường, Công ty đã có những chính sách bán hàng phù hợp hơn khiến doanh thu năm 2018 tăng trưởng 12,85% so với năm 2017 từ 1.978,3 tỷ lên 2.232,6 tỷ đồng. Tuy nhiên giá nguyên liệu đầu vào ngành sản xuất thép tăng khiến giá hàng hóa đầu vào của Công ty tăng mạnh hơn mức tăng giá bán. Theo đó giá vốn hàng bán năm 2018 của Công ty đã tăng 14,17% so với năm 2017 khiến lợi nhuận gộp suy giảm 26,55% từ mức 50,5 tỷ xuống 36,8 tỷ đồng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1	Hà Nội	Kinh doanh thép
Xí nghiệp Kinh doanh Thép Hình	Hà Nội	Kinh doanh thép
Xí nghiệp Kinh doanh Thép Chuyên dùng	Hà Nội	Kinh doanh thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 2	Hà Nội	Kinh doanh thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 6	Hà Nội	Kinh doanh thép
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thép
Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng	Hải Phòng	Kinh doanh thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 8	Hà Nội	Kinh doanh thép



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

M. S. D. N.
0038
IG T
PHÁ
KHÍ H
STE
Đ DA

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

HA
QA
H
100
CÔ
CÔ
KIM K
VP
HÀ NỘI
L
PHẠ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	08 - 20 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

VNSTEEL
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI
ĐÓNG ĐA - HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán .

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

100
CÔ P
CỔ
M K
VN
100

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

ST
HÀ
HÀ
T. S

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.26 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm hoạt động kinh doanh sắt thép và cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, hoạt động bán hàng chiếm tỷ trọng trên 90% toàn bộ hoạt động của toàn Công ty. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	219.455.493	126.154.917
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.126.869.937	1.409.817.298
	5.346.325.430	1.535.972.215

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		đã điều chỉnh	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Thép Tây Đô	40.713.302.823	-	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng	21.177.618.000	(21.177.618.000)	21.177.618.000	(21.177.618.000)
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	20.600.968.890	-	-	-
Công ty TNHH Thép Vạn Phúc	18.404.341.050	-	10.785.256.900	-
Phải thu khách hàng khác	76.860.697.021	(16.678.406.789)	86.075.017.763	(16.658.773.764)
	177.756.927.784	(37.856.024.789)	118.037.892.663	(37.836.391.764)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	22.248.939.390	-	2.621.733.400	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		đã điều chỉnh	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty LD Sản xuất Thép VINAUSTEEL	1.475.904.341	-	1.676.751.251	-
Hangzhou Cogeneration (Hong Kong) Co., Ltd	14.423.908.653	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	3.126.050.503	-	1.605.032.739	-
	19.025.863.497	-	3.281.783.990	-

11.10.2018
 KIM KHÍ HÀ NỘI
 CHỖ CHỮ KÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		đã điều chỉnh	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm y tế	11.390.400	-	-	-
Tạm ứng	659.034.864	-	770.054.264	-
Phải thu lãi chậm trả khách hàng	-	-	304.274.805	-
Phải thu khác	1.571.292.197	-	1.573.366.597	-
	2.241.717.461	-	2.647.695.666	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	40.000.000	-
	10.000.000	-	40.000.000	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2018		đã điều chỉnh	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP đầu tư và PT Công Nghệ - TID	4.526.460.800	-	4.526.460.800	-
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng	21.177.618.000	-	21.177.618.000	-
- Các khoản khác	16.102.913.268	3.950.967.279	16.201.078.391	4.068.765.427
	41.806.992.068	3.950.967.279	41.905.157.191	4.068.765.427

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	127.743.384.054	(4.051.210.443)	74.836.903.752	(2.693.132.000)
	127.743.384.054	(4.051.210.443)	74.836.903.752	(2.693.132.000)



010
NG
PH
HÍ
STE
DA-

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Báo cáo tài chính

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	53.755.751.605	2.303.054.758	4.900.647.142	40.736.364	61.000.189.869					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(30.357.693)	-	(30.357.693)					(30.357.693)
Số dư cuối năm	53.755.751.605	2.303.054.758	4.870.289.449	40.736.364	60.969.832.176					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	40.618.105.352	1.426.000.323	4.226.330.406	2.625.232	46.273.061.313					
- Khấu hao trong năm	2.620.706.495	235.028.208	319.103.003	8.147.268	3.182.984.974					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(30.357.693)	-	(30.357.693)					
Số dư cuối năm	43.238.811.847	1.661.028.531	4.515.075.716	10.772.500	49.425.688.594					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	13.137.646.253	877.054.435	674.316.736	38.111.132	14.727.128.556					
Tại ngày cuối năm	10.516.939.758	642.026.227	355.213.733	29.963.864	11.544.143.582					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.060.821.033 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.178.954.314 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.219.012.340	235.000.000	2.454.012.340
Số dư cuối năm	2.219.012.340	235.000.000	2.454.012.340
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.757.491.340	219.250.000	1.976.741.340
- Khấu hao trong năm	-	15.750.000	15.750.000
Số dư cuối năm	1.757.491.340	235.000.000	1.992.491.340
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	461.521.000	15.750.000	477.271.000
Tại ngày cuối năm	461.521.000	-	461.521.000

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An với nguyên giá là 461.521.000 đồng và quyền sử dụng đất có thời hạn tại số 67, Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng với nguyên giá là 1.757.491.340 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí mua hàng	118.115.645	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	39.772.393	660.000
	157.888.038	660.000
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	391.352.109	325.784.818
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	311.954.221	608.991.121
Chi phí sửa chữa văn phòng	200.519.696	724.215.454
Chi phí trả trước dài hạn khác	58.968.587	49.948.677
	962.794.613	1.708.940.070

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		đã điều chỉnh	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ Phần Thép Việt Pháp	14.231.699.320	14.231.699.320	1.408.986.188	1.408.986.188
Công ty TNHH Hoàng Phú Gia	6.087.518.800	6.087.518.800	-	-
Phải trả các đối tượng khác	7.692.171.782	7.692.171.782	5.775.745.122	5.775.745.122
	28.011.389.902	28.011.389.902	7.184.731.310	7.184.731.310

111
CÓN
NHÍ
SKI
AF
1 KIẾ



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

3 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		52.420.939		11.112.578.848		11.125.281.933		-		39.717.854	
Thuế Thu nhập cá nhân	68.976.006		1.200.000		61.841.300		113.054.544		119.789.250		800.000	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		1.314.645.104		24.305.849.856		23.651.519.943		-		1.968.975.017	
Các loại thuế khác	-		-		11.000.000		11.000.000		-		-	
	68.976.006		1.368.266.043		35.491.270.004		34.900.856.420		119.789.250		2.009.492.871	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

DA-TP
CÔNG TY
PHÂN
HÀ I
STEE

SC
ITC
/5-
/5-

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	249.000.000	114.330.711
- Trích trước chi phí in lịch	-	428.000.000
- Chi phí phải trả khác	136.000.000	135.000.000
	385.000.000	677.330.711

15 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Chi tiết các khoản phải trả khác		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	23.880.318	23.880.318
- Kinh phí công đoàn	3.350.572	18.832.138
- Bảo hiểm xã hội	-	2.324.202
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.425.444.350	647.576.350
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	73.695.000	76.695.000
- Các khoản phải trả về Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	106.293.525	930.293.525
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	486.128.395	716.802.875
	4.118.792.160	2.416.404.408
b) Phải trả khác là các bên liên quan	106.293.525	930.293.525
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)</i>		

T. N. H. U.
K. H. N. S.
Y. M. O. I.T. N. H. U.
K. H. N. S.
Y. M. O. I.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Báo cáo tài chính

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

16 . VAY NGẮN HẠN

	đã điều chỉnh		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình ⁽¹⁾	24.472.941.279	24.472.941.279	319.390.940.258	287.552.973.388	56.310.908.149	56.310.908.149
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội ⁽²⁾	14.644.588.950	14.644.588.950	122.819.776.332	120.061.818.136	17.402.547.146	17.402.547.146
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh ⁽³⁾	9.776.580.000	9.776.580.000	220.909.092.127	172.208.301.547	58.477.370.580	58.477.370.580
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa ⁽⁴⁾	13.624.717.990	13.624.717.990	263.198.794.764	239.841.615.260	36.981.897.494	36.981.897.494
	62.518.828.219	62.518.828.219	926.318.603.481	819.664.708.331	169.172.723.369	169.172.723.369

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 184/2018-HĐCVHM/NHCT124-HNS ngày 10 tháng 10 năm 2018, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng hạn mức tín dụng: 90 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng hết hiệu lực vào ngày 30/09/2019;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định là lãi suất thỏa thuận, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng dựa trên tình hình thực tế của thị trường tiền tệ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 56.310.908.149 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: toàn bộ tài sản trên đất theo GCN QSDĐ số T813233 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 13/01/2003, diện tích 1.811m², tại địa chỉ số 20 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội và toàn bộ tài sản trên đất theo GCN QSDĐ số AA 278880 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 24/11/2004, diện tích 27.951 m² tại địa chỉ xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 310/2018-HĐCVHM/NHCT129-KIMKHIHANOI ngày 15 tháng 10 năm 2018, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng hạn mức tín dụng: 70 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng hết hiệu lực vào ngày 30/09/2019;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định là lãi suất thỏa thuận, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng dựa trên tình hình thực tế của thị trường tiền tệ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 17.402.547.146 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp bằng các tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 45/2017/HĐTC ngày 20/02/2017 và các Hợp đồng/Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản (nếu có).
- (3) Hợp đồng tín dụng số 01/2018/134796/HĐTD ngày 06 tháng 12 năm 2018, với các điều khoản sau:
- + Tổng hạn mức tín dụng: 200 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng hết hiệu lực vào ngày 30/09/2019;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định là lãi suất thỏa thuận, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng dựa trên tình hình thực tế của thị trường tiền tệ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 58.477.370.580 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thực hiện theo các hợp đồng cầm cố/thế chấp/ký quỹ (Hợp đồng bảo đảm) với ngân hàng.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 103/2018-HĐCVHM/NHCT126-KIMKHIHN ngày 15 tháng 10 năm 2018, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng hạn mức tín dụng: 70 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng hết hiệu lực vào ngày 30/09/2019;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định là lãi suất thỏa thuận, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng dựa trên tình hình thực tế của thị trường tiền tệ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 36.981.897.494 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp bằng các tài sản theo các hợp đồng bảo đảm với ngân hàng. Cụ thể: hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐTC/ NGUYENTRAI/ NHCT126-HNS ngày 25/06/2014, hợp đồng thế chấp số 02/2014/HĐTC/ A12KHUONGTHUONG/ NHCT126-HNS ngày 25/06/2014, hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2014/HĐTC/ HUYNHCUNG/ NHCT126-HNS ngày 25/06/2014 và hợp đồng thế chấp số 04/2014/HĐTC/ NGOCLAM/ NHCT126-HNS ngày
- (*) Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000	3.599.851.779	(13.382.137.272)	80.217.714.507
Lãi trong năm trước	-	-	16.525.161.877	16.525.161.877
Số dư cuối năm trước	90.000.000.000	3.599.851.779	3.143.024.605	96.742.876.384
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	3.599.851.779	3.143.024.605	96.742.876.384
Lãi trong năm nay	-	-	2.875.161.210	2.875.161.210
Số dư cuối năm nay	90.000.000.000	3.599.851.779	6.018.185.815	99.618.037.594

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	89,37%	80.431.500.000	89,37%	80.431.500.000
Các cổ đông khác	10,63%	9.568.500.000	10,63%	9.568.500.000
	100%	90.000.000.000	100%	90.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.000.000.000	90.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	90.000.000.000	90.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	90.000.000.000	90.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.599.851.779	3.599.851.779
	3.599.851.779	3.599.851.779

11
ÔN
KHÍ
KI
A
KIẾ

V. O.
C
KIM
Đ. O. M.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG
Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm tại Hà Nội và Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm văn phòng, cửa hàng kinh doanh và kho thép. Tổng diện tích các khu đất thuê là 181.220 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.187.519.021.641	1.935.432.126.578
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.057.123.695	42.872.287.335
	2.232.576.145.336	1.978.304.413.913
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	190.319.980.680	233.655.173.240

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	60.298.067	5.178.494.910
Hàng bán bị trả lại	66.344.608	3.136.723
Giảm giá hàng bán	167.635.313	93.708.505
	294.277.988	5.275.340.138

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.165.282.139.704	1.894.082.765.033
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	29.213.633.091	30.068.510.794
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	1.358.078.443	(1.619.241.000)
	2.195.853.851.238	1.922.532.034.827

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	26.699.719	268.584.077
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	5.483.919.669	7.284.849.194
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.846.083	-
	5.512.465.471	7.553.433.271

05
TY
HUU
TK
SC
TP010
NG
PH
CHÍ H
STE
ĐA - T

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.133.508.988	6.255.640.233
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	14.692.718
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	777.444.897
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.019.099	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(5.813.659.059)
	5.134.528.087	1.234.118.789

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	88.726.001	146.488.180
Chi phí nhân công	9.781.252.188	10.029.509.351
Chi phí khấu hao tài sản cố định	114.727.728	119.427.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.239.049.691	10.464.281.525
Chi phí khác bằng tiền	639.403.314	843.944.970
	12.863.158.922	21.603.651.059

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	304.468.270	282.200.380
Chi phí nhân công	9.738.763.976	11.843.597.260
Chi phí khấu hao tài sản cố định	456.341.806	633.034.204
Thuế, phí, lệ phí	1.302.961.335	1.377.522.008
Chi phí dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	19.633.025	(4.575.888.788)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.137.563.478	4.504.507.227
Chi phí khác bằng tiền	5.114.826.483	5.451.943.219
	21.074.558.373	19.516.915.510

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	24.090.909	697.859.250
Hàng thừa do kiểm kê	2.924.118	147.403.375
Thu nhập khác	157.576.486	12.713.768
	184.591.513	857.976.393

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí dự án 20 Tôn Thất Tùng không triển khai tiếp	120.769.026	-
Chi phí khác	56.897.476	811.043
	177.666.502	811.043

T.Đ.Đ.
N
C.38 - C.T.C.P.
HÀ NỘI
L

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.875.161.210	16.414.000.534
Các khoản điều chỉnh tăng	177.666.502	2.027.204.607
- Chi phí không hợp lệ	177.666.502	2.027.204.607
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.052.827.712)	(18.441.205.141)
- Chuyển lỗ các năm trước	(3.052.827.712)	(18.441.205.141)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD chính	-	-
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	-	138.951.677
Thu nhập tính thuế TNDN	-	138.951.677
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	27.790.334
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(27.790.334)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	27.790.334
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	-

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	2.875.161.210	16.525.161.877
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.875.161.210	16.525.161.877
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.000.000	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	319	1.836

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.346.325.430	-	-	5.346.325.430
Phải thu khách hàng, phải thu khác	142.142.620.456	10.000.000	-	142.152.620.456
	147.488.945.886	10.000.000	-	147.498.945.886
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.535.972.215	-	-	1.535.972.215
Phải thu khách hàng, phải thu khác	82.849.196.565	40.000.000	-	82.889.196.565
	84.385.168.780	40.000.000	-	84.425.168.780

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

001
CÔ
HÀNH
3K
VA
KIẾT

0308
CÔNG TY
HÀNH
HÀ NỘI
VNSTEEL
-TP

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	169.172.723.369	-	-	169.172.723.369
Phải trả người bán, phải trả khác	32.130.182.062	-	-	32.130.182.062
Chi phí phải trả	385.000.000	-	-	385.000.000
	<u>201.687.905.431</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>201.687.905.431</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	62.518.828.219	-	-	62.518.828.219
Phải trả người bán, phải trả khác	9.601.135.718	-	-	9.601.135.718
Chi phí phải trả	677.330.711	-	-	677.330.711
	<u>72.797.294.648</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>72.797.294.648</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng		190.319.980.680	233.655.173.240
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	21.818.180	21.818.180
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	Công ty con TCT Thép Việt Nam	-	81.791.119.280
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (Vicasa)	Công ty con TCT Thép Việt Nam	-	27.951.980.500
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	Công ty con TCT Thép Việt Nam	150.047.741.500	118.387.681.500
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty con TCT Thép Việt Nam	40.250.421.000	-
Công ty Cổ phần Tôn mạ VNSteel Thăng Long	Công ty con TCT Thép Việt Nam	-	5.502.573.780

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	Mối quan hệ	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ		102.379.421.720	70.896.326.228
Công ty Cổ phần Tôn mạ VNSteel	Công ty con TCT	-	6.274.217.728
Thăng Long	Thép Việt Nam		
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty con TCT	102.379.421.720	64.622.108.500
	Thép Việt Nam		
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:			
	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
Phải thu khách hàng		22.248.939.390	2.621.733.400
Công ty Cổ Phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	Công ty con TCT	1.647.970.500	2.621.733.400
	Thép Việt Nam		
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty con TCT	20.600.968.890	-
	Thép Việt Nam		
Phải trả khác		106.293.525	930.293.525
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	106.293.525	930.293.525

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	324.760.000	331.310.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.099.368.000	1.406.805.000

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 căn cứ trên Thông báo Kết quả Kiểm toán của Cơ quan Kiểm toán Nhà nước số 186/TB-KTNN ngày 14/01/2019 về việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Trình bày theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
a) Bảng Cân đối kế toán					
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	118.037.892.663	117.702.067.925	(335.824.738)	(1)
Phải thu ngắn hạn khác	136	2.647.695.666	2.343.420.861	(304.274.805)	(2)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(37.836.391.764)	(41.839.291.605)	(4.002.899.841)	(3)
Hàng tồn kho	141	74.836.903.752	74.827.877.938	(9.025.814)	(4)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(2.693.132.000)	(3.070.861.000)	(377.729.000)	(5)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	3.143.024.605	(1.886.729.593)	(5.029.754.198)	(6)

C. H. N. N. N.

00
ÔN
Ổ F
KHÍ
NST
ĐA.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	<u>Mã số</u>	<u>Trình bày theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước VND</u>	<u>Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND</u>	<u>Chênh lệch VND</u>	<u>Ghi chú</u>
b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh					
Giá vốn hàng bán	11	1.922.532.034.827	1.922.918.789.641	386.754.814	(4,5)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.553.433.271	6.913.333.728	(640.099.543)	(1,2)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19.516.915.510	23.519.815.351	4.002.899.841	(3)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	16.552.952.211	11.523.198.013	(5.029.754.198)	(6)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	16.525.161.877	11.495.407.679	(5.029.754.198)	(6)
c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	16.552.952.211	11.523.198.013	(5.029.754.198)	(6)
Các khoản dự phòng	03	(12.008.788.847)	(7.628.160.006)	4.380.628.841	(3,5)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	91.896.388.812	92.536.488.355	640.099.543	(1,2)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.396.343.739)	(1.387.317.925)	9.025.814	(4)

- (1) Điều chỉnh bổ sung lãi chậm trả của hợp đồng với Công ty Gia công Kim khí;
- (2) Điều chỉnh bổ sung lãi chậm trả của một số hợp đồng tại Xí nghiệp 1 và Xí nghiệp 6;
- (3) Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi một số khoản công nợ do không có đủ hồ sơ trích lập dự phòng;
- (4) Điều chỉnh do ước tính lại giá vốn hàng xuất bán tháng 12/2017;
- (5) Hoàn trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho do chưa đủ cơ sở trích lập dự phòng;
- (6) Tổng hợp ảnh hưởng của các điều chỉnh trên tới lợi nhuận sau thuế.



Kiều Thị Thu Hương
Người lập



Đặng Thị Yên
Trưởng phòng Tài chính kế toán



Phạm Công Dũng
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2019

